TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN
-----*****----
Bản án số: 62/2020/HSST
Ngày: 26/8/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thẩm phán.
- Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hòa và bà Đặng Thị Thêm.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chung – Kiểm sát viên.
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Vân - Thư ký Toà án.

Hôm nay, ngày 26/8/2020, tại Trụ sở TAND huyện Khoái Châu mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2020/HSST, ngày 05 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo: **Ngô Văn Đ,** sinh năm 1996. Nơi cư trú: thôn D, xã P, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Ngô Văn A và bà Đỗ Thị S. Anh, chị em ruột: Có 04 anh em, bị cáo là con lớn. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

/ Người bị hại: **Anh Lương Văn C, sinh năm 1996.**

Trú tại: thôn Lậm Lương, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt tại phiên tòa).

/ Những người làm chứng:

1/ Anh Phạm Văn E, sinh năm 1986;

2/ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987;

Đều trú tại: Thôn X, xã Y, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

3/ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1961;

Trú tại: Xã U, huyện O, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

4. Ông Ngô Văn A, sinh năm 1968.

Trú tại: Thôn D, xã P, huyện H, tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Ngô Văn Đ sinh năm 1996 ở thôn D, xã P, huyện H, tỉnh Bắc Giang và anh Lương Văn C sinh năm 1989 ở thôn Q, xã R, huyện I, tỉnh Tuyên Quang là giúp việc cho anh Phạm Văn E, sinh năm 1986 ở thôn X, xã Y, huyện K làm nghề tổ chức các sự kiện cưới hỏi, lễ hội. Anh E cho Đ và anh C ở nhà trọ của anh tại thôn X, xã Y để phục vụ cho công việc, đồng thời giao chìa khóa phòng trọ cho anh C giữ và quản lý. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 09/6/2020, khi mọi người đang làm sự kiện tại xã Y, vì thời tiết nắng nóng nên anh E bảo anh em về phòng trọ lấy quạt điện ra để mọi người sử dụng. Anh C đã đưa cho Đ chùm chìa khóa (trong đó có

chìa khóa xe máy và chìa khóa nhà trọ) và bảo Đ đi xe mô tô Sirius BKS 22B1 - 399.72 của anh C về nhà trọ lấy quạt. Trên đường đi về lấy quạt Đ nghĩ đến việc mâu thuẫn với anh C trước đó nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh C để sử dụng. Đ đã đi về nhà trọ thu dọn đồ dùng cá nhân để bỏ trốn. Khi thu dọn quần áo, Đ nhìn thấy chiếc máy tính bảng màu đen hiệu Lenovo của anh C đang sạc pin dưới nền phòng trọ nên Đ lấy luôn chiếc máy tính bảng cho vào ba lô và điều khiển xe máy bỏ đi. Trên đường đi, do không biết đường và sợ bị phát hiện nên Đ vào nhà nghỉ Đầm Sen 1, thuộc địa phận xã U, huyện O và gửi xe mô tô Sirius BKS 22B1 - 399.72 ở đó rồi đi xe bus lên Hà Nội tìm việc làm. Đ dự định một vài ngày sau sẽ quay lại lấy chiếc xe để mang đi sử dụng.

Sau khi không thấy Đ quay lại anh C và anh E đã gọi điện và đi tìm Đ. Đến ngày 10/6/2020, anh C đến Công an huyện K trình báo.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác minh, ghi lời khai của người bị hại, người làm chứng và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định Đ đang ở khu vực bến xe Mỹ Đình, Thành phố Hà Nội nên đã tiến hành triệu tập Đ về Công an huyện K để làm việc.

Tại Cơ quan điều tra Ngô Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi chiếm đoạt chiếc xe và chiếc máy tính bảng của anh C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ: 01 chiếc máy tính bảng màu đen hiệu Lenovo, 01 chùm chìa khóa, 01 chiếc túi đeo chéo do Đ tự nguyện giao nộp và yêu cầu Đ chỉ dẫn đến vị trí đã gửi chiếc xe tại Nhà nghỉ Đầm Sen 1 do bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1961 làm quản lý. Bà G đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius BKS 22B1 - 399.72 để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 11/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 22B1 - 399.72 và 01 chiếc máy tính bảng màu đen hiệu Lenovo. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 46/KL-ĐG ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện K kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 22B1 - 399.72 tại thời điểm ngày 09/6/2020 có giá trị là 10.000.000đồng; 01 chiếc máy tính bảng màu đen nhãn hiệu Lenovo tại thời điểm ngày 09/6/2020 có giá trị là 350.000đồng. Đối với hành vi của Đ đã trộm cắp chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Lenovo của anh C, do chiếc máy tính bảng có giá trị là 350.000đồng; Đ chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Ngày 09/7/2020 Công an huyện K đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ về hành vi trộm cắp tài sản. Đối với bà Nguyễn Thị G là người quản lý nhà nghỉ Đầm Sen 1 đã cho Đ gửi xe, do bà G không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý. Ngày 17/6/2020 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C xe mô tô BKS 22B1 - 399.72 và chiếc máy tính bảng màu đen nhãn hiệu Lenovo, anh C nhận lại và không có yêu cầu đề nghị gì. Đối với chiếc túi đeo chéo Đ đã sử dụng để đựng chiếc máy tính bảng, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 65/QĐ-VKS - HS ngày 03/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châuđã truy tố bị cáo Ngô Văn Đ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của BLHS năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay:

[1] Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Đ và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bình phạt tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ; Ngoài ra, đại diện còn đề nghị về đường lối xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự.

[2] Bị cáo Đ nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất để bị cáo sớm Đ hòa nhập với gia đình, xã hội.

[3] Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị G và ông Ngô Văn A trình bày quan điểm giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung gì thêm.

[4] Người bị hại là anh Lương Văn C và những người làm chứng trong vụ án là anh Phạm Văn E, chị Nguyễn Thị L đã Đ triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 09/6/2020, tại thôn X, xã Y, huyện K anh Lương Văn C sinh năm 1989, trú tại: thôn X, xã Y, huyện K đã giao cho Ngô Văn Đ chìa khóa xe và chìa khóa phòng trọ của anh C cùng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 22B1 - 399.72 có trị giá 10.000.000đồng, mục đích nhờ Đ về lấy quạt điện nhưng Đ đã mang xe của anh C bỏ trốn, nhằm mục đích chiếm đoạt để sử dụng.

Ngoài hành vi trên thì bị cáo Đ còn có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc máy tính bảng hiệu Lenovo của anh C. Tuy nhiên, giá trị của chiếc máy tính bảng nêu trên là 350.000đ. Quá trình điều tra đã xác định bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành và chưa bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản. Do vậy, hành vi Trộm cắp của Đ chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 của

BLHS năm 2015. Nên Công an huyện K đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 85/QĐ.XPVPHC ngày 09 tháng 7 năm 2020 đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Đ là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức Đ việc lạm dụng sự quen biết với người bị hại, sau khi Đ giao cho tài sản để phục vụ công việc, bị cáo đã mang tài sản được giao bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi bị cáo vẫn thực hiện. Giá trị tài sản do Đ chiếm đoạt là 10.000.000đ. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châuđã truy tố bị cáo Đ theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 65/CT-VKS-KC, ngày 03/8/2020 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác Đ luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc tham gia các giao dịch dân sự, tạo tiền lệ xấu là sự nghi ngờ, đề phòng đối với người thân, quen trong các giao dịch dân sự hàng ngày, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó, việc áp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là cần thiết.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên bị cáo Đ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

[5] Xét về nhân thân: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Đ là thanh niên khỏe mạnh, nhưng lười lao động, thích ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác. Nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo lười lao động, sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc túi (Loại túi chéo màu đen), loại túi giả da, trên túi có dòng chữ DIEKE bằng kim loại mà bị cáo Đ dùng để đựng chiếc máy tính bảng trộm cắp được của anh C. Mặc dù hành vi trộm cắp không Đ xét xử trong vụ án này nhưng bị cáo không có nhu cầu nhận lại mà đề nghị HĐXX tịch thu cho tiêu hủy vì không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015. (Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 50/QĐ-VKS - KC ngày 03/8/2020 của VKSND huyện Khoái Châu).

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Lương Văn C đã nhận lại đủ tài sản đã bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Cần buộc bị cáo Đ phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức

thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

***Tuyên bố*:** Bị cáo Ngô Văn Đ phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn Đ 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 túi chéo màu đen, loại túi giả da, trên túi có dòng chữ DIEKE bằng kim loại. (Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 50/QĐ-VKS - KC ngày 03/8/2020 của VKSND huyện Khoái Châu).

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ngô Văn Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/8/2020). Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND huyện Khoái Châu;*
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *Công an huyện K;*
- *UBND xã P;*
- *T.H.A dân sự huyện K;*
- *Bị cáo, bị hại;*
- *Lưu HS.*